

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HS-ST
Ngày 26-11-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nghiêm.
2. Ông Trần Thanh Răng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Danh Thành Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Công K, sinh năm 1982, tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hoá 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công S và bà Đặng Thị T; chưa có vợ, con; anh, chị, em ruột 09 người, lớn nhất 53 tuổi, nhỏ nhất 31 tuổi; tiền án: Ngày 01/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 09 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/3/2017; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 31/10/2018, chuyển tạm giam từ ngày 02/11/2018 (bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1963; nơi cư trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Lê Tiến V1, sinh năm 1983; đăng ký thường trú khóm T, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú khóm M, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Võ Văn T, sinh năm 1983 (vắng mặt);
2. Ông Hồ Văn V2, sinh năm 1973 (vắng mặt);
3. Phan Văn U, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 20/8/2018, tại nhà của K (thuộc ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng) sau khi một mình nhậu hết 01 lít rượu trắng thì hết mỗi nhậu, lúc này K nảy sinh ý định qua chuồng vịt của ông Nguyễn Thành D, cư trú cùng ấp T để bắt vịt để làm mỗi nhậu tiếp. Khoảng 21 giờ cùng ngày, K đi vào chuồng vịt của ông D bắt 01 con vịt đẻ thì bị ông D phát hiện và bắt quả tang cùng tang vật là 01 con vịt đẻ. Mở rộng điều tra, K còn khai nhận vào khoảng 10 giờ ngày 27/7/2018, K lén vào nhà của anh Lê Tiến V1, sinh năm 1983, đăng ký thường trú khóm T, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng đang thuê nhà để bán quán cà phê tại ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng lấy trộm số tiền 99.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 43/KLĐG.TS ngày 17/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng kết luận: 01 (một) con vịt đẻ có trọng lượng 2,6 kg có giá là 109.000 đồng.

Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 01/7/2002 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tuyên phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); ngày 25/5/2005 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tuyên phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); ngày 01/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/3/2017, bị cáo chưa được xóa án tích. Bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên hành vi trộm cắp 01 con vịt đẻ của ông Nguyễn Thành D theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá huyện M, có giá trị 109.000 đồng và trộm cắp của anh Lê Tiến V1 số tiền 99.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu

trách nhiệm hình sự về tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) con vịt đẻ, trọng lượng 2,6 kg (Hai phẩy sáu kilôgam). Sau khi làm rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thành D theo Quyết định xử lý vật chứng số 21/QĐ ngày 25/9/2018.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thành D thống nhất với bản cáo trạng và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật, tài sản bị thiệt hại bị hại đã nhận lại đầy đủ nên không có yêu cầu gì thêm. Bị hại Lê Tiến V1 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số: 27/CT-VKSMT ngày 08/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Trần Công K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, tự khai ra lần phạm tội trước đó, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Đối với số tiền 99.000 đồng, bị cáo trộm của bị hại V, bị hại không yêu cầu Tòa án buộc bị cáo trả lại cho bị hại nhưng đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự buộc bị cáo nộp lại, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ, sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại không có ý kiến hay khiếu nại đối với hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại Lê Tiến V1 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, người làm chứng Võ Văn T, Hồ Văn V2, Phan Văn U đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và những người làm chứng nêu trên.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Công K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại và những người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập được nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 21 giờ ngày 20/8/2018, K đi vào chuồng vịt của ông D bắt trộm 01 con vịt đẻ thì bị ông D phát hiện và bắt quả tang cùng tang vật là 01 con vịt đẻ. Ngoài ra, K còn khai nhận vào khoảng 10 giờ ngày 27/7/2018, K lén vào nhà của anh Lê Tiến V1, sinh năm 1983, đăng ký thường trú khóm T, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng đang thuê nhà để bán quán cà phê tại ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng lấy trộm số tiền 99.000 đồng.

[4] Bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” là vào ngày 01/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/3/2017, chưa được xóa án tích nên hành vi trộm cắp 01 con vịt đẻ của ông Nguyễn Thành D theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá huyện M, có giá trị 109.000 đồng và trộm cắp của anh Lê Tiến V1 số tiền 99.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Theo đó điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) ... b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các

điều 168, 169, 170, 171, 174, 175, và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; c)...”. Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[6] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là bất khả xâm phạm, nhưng chỉ vì ham muốn có tiền tiêu xài và hưởng thụ mà bị cáo cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác do pháp luật hình sự bảo vệ, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, làm cho quần chúng hoang mang, lo sợ, thời gian gần đây trên địa bàn huyện M đã xảy ra rất nhiều vụ trộm cắp tài sản và bị cáo có nhân thân xấu nên cần phải xử phạt tù thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

[7] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo phạm tội 02 lần nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, tự khai ra lần phạm tội trước đó, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Tại phiên toà sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù và buộc bị cáo nộp lại số tiền 99.000 đồng, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thành D đã nhận lại tài sản bị mất nên không có yêu cầu gì thêm, bị hại Lê Tiến V1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý xong, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Đối với số tiền 99.000 đồng, bị cáo trộm của bị hại V1, Hội đồng xét xử xét thấy, bị hại không yêu cầu Tòa án buộc bị cáo trả lại cho bị hại, nhưng đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo nộp lại số tiền 99.000 đồng, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[12] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Công K là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Công K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Trần Công K 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 31 tháng 10 năm 2018).

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Trần Công K phải nộp số tiền 99.000 đồng do phạm tội mà có, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý trong giai đoạn điều tra nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Công K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, các đương sự;
- VKSND huyện M;
- CAND huyện M (CQTHAHS, Đội điều tra);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn